

DANH SÁCH SV K37
NGÀNH GDMN NHẬN HỌC
BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC
TẬP
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2011 -
2012

Kèm theo Quyết định số
2097/QĐ-ĐHSP ngày
19.10.2012

STT	TMS	Họ	Tên	Điểm	Điểm	Số
		SV	m	m	tiền	
			TB	RL		
1	K37	Ngu Châ	3.2	89	150	
		.902 yễn u			000	
		.004 Thị			0	
		Ngọ				
		c				
2	K37	Pha Duy	2.95	80	120	
		.902 n Cầen			000	
		.009 nh			0	
		Thị				
		Mỹ				
3	K37	Ngu Hân	3.08	93	120	
		.902 yễn g			000	
		.017 Thị			0	
		Ngọ				
		c				
4	K37	Lê Hà	3.1	85	120	
		.902 Thị			000	
		.023 Thu			0	
5	K37	Pha Hảo	3.2	94	150	
		.902 n			000	
		.028 Thị			0	
		Ngọ				
		c				
6	K37	Đặng Hiê	3.13	86	120	
		.902 g n			000	
		.035 Thị			0	
		Thu				
7	K37	Trà Hôn	3.1	77	120	
		.902 n g			000	
		.039 Thị			0	
		Thú				
		y				
8	K37	Phạ Liễu	3.2	78	120	
		.902 m H			000	
		.050 oàn			0	
		g				
9	K37	Ngu Loa	3.3	81	150	

	.902	yễn n	000
	.053	Thị	0
		Kim	
10	K37	Ngu Mai 3.13 88	120
	.902	yễn	000
	.058	Thị	0
		Ngọ	
		c	
11	K37	Bùi Ngâ 3.13 83	120
	.902	Nữ n	000
	.061	Hồn	0
		g	
12	K37	Ngu Ngọ 3.3 82	150
	.902	yễn c	000
	.064	Thị	0
		Bíc	
		h	
13	K37	Trà Ngọ 3.33 84	150
	.902	n c	000
	.066	Kim	0
14	K37	Trà Ngọ 3.25 81	150
	.902	n c	000
	.067	Thị	0
		Hồn	
		g	
15	K37	Vũ Nhu 2.98 82	120
	.902	Thị ng	000
	.074	Tuy	0
		ết	
16	K37	Lê Nhu 2.98 76	120
	.902	Thị ng	000
	.076	Tuy	0
		ết	
17	K37	Ngu Phú 3.23 88	150
	.902	yễn c	000
	.086	Thị	0
		Diễn	
		m	
18	K37	Đản Phư 3.15 86	120
	.902	g N ơng	000
	.087	guy	0
		ễn	
		Thị	
		Bíc	
		h	
19	K37	Ngu Phư 3.05 80	120
	.902	yễn ơng	000
	.089	Thị	0
20	K37	Ngu Phư 3.05 78	120
	.902	yễn ơng	000

	.090 Thị Trú c	0
21	K37 Ngu Quy 3.05 82	120
	.902 yễn ên	000
	.091 Thị Mỹ	0
22	K37 Ngu Quỳ 3.25 81	150
	.902 yễn nh	000
	.093 Hoà ng Xuâ n	0
23	K37 Ngu Sinh 3.13 93	120
	.902 yễn	000
	.095 Thị Thú y	0
24	K37 Trà Thủ 2.98 80	120
	.902 n Thy	000
	.115 anh	0
25	K37 Mai Thư 2.98 85	120
	.902 Anh	000
	.118	0
26	K37 Lê Tra 3 97	120
	.902 Thị ng	000
	.122 Kiề u	0
27	K37 Trà Trâ 3.28 90	150
	.902 n m	000
	.126 Thị Hồn g	0
28	K37 Đào Tươ 3.25 80	150
	.902 Thị i	000
	.140 Min h	0
29	K37 Ngu Yễn 3.3 94	150
	.902 yễn	000
	.149 Thị Hồn g	0
30	K37 Trà Yên 3.23 89	150
	.902 n	000
	.150 Thị Mỹ	0

Danh
sách xét
thêm

1	K37 Trà Hà	2.93 86	120
	.902n		000
	.026 Thị		0
	Thu		
2	K37 Thái Hiề	2.9 74	120
	.902 Thị n		000
	.033 Kim		0
3	K37 Vũ Hươ	2.9 79	120
	.902 Thị ng		000
	.045 Mai		0
4	K37 Võ Ngu	2.93 87	120
	.902 Thị yệt		000
	.069 Ánh		0
5	K37 Đào Như	2.95 78	120
	.902 Thị		000
	.077 Hồn		0
	g		
6	K37 Ngu Sươ	2.93 78	120
	.902 yễn ng		000
	.096 Hoà		0
	i		
7	K37 Đin Vi	2.93 82	120
	.902 h		000
	.145 Thị		0
	Mai		